

CULTURAL SOUNDS:  
**THE SPIRIT OF  
VIETNAM**



**ĐÀN CA TÀI TỬ,  
A CHAMBER MUSIC  
OF SOUTHERN  
VIETNAM**

# ĐỜN CA TÀI TỬ NAM BỘ, VIỆT NAM

Published by  
Vietnamese Institute for Musicology

In Collaboration with  
International Information and Networking Centre for  
Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region  
under the Auspices of UNESCO (ICHCAP)

Supported by  
Cultural Heritage Administration of Korea

Design by  
Design Nanum

© 2015 VIM  
© 2015 ICHCAP

Đờn ca tài tử là một loại hình âm nhạc thính phòng truyền thống đặc trưng của cư dân Việt sinh sống tại Nam bộ, Việt Nam. So với các loại hình âm nhạc thính phòng truyền thống khác ở Việt Nam như Ca trù, Ca Huế thì Đờn ca tài tử xuất hiện muộn hơn. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, Đờn ca tài tử ra đời vào khoảng giữa thế kỷ XIX, có nguồn gốc hình thành từ nhạc Lễ Nam bộ và nhạc Huế.

Trong dân gian, đàn nhạc Lễ Nam bộ gồm hai phe: phe Văn và phe Võ. Phe Võ chủ yếu là nhạc cụ gõ (trống, thanh la, nã bạt...) và nhạc cụ hơi (kèn). Phe Văn chủ yếu là nhạc cụ dây (còn gọi là đờn cây) gồm có cò, cò chi, cò tre, gáo, nhạc cụ gõ có trống nhạc hoặc trống com. Vào những dịp đình đám, lễ hội sử dụng đàn nhạc của cả hai phe, còn những dịp tân gia, cưới hỏi, gia chủ thường chỉ mời nhóm nhạc nhỏ thuộc phe Văn (còn gọi là ban nhạc “đờn cây”). Để phục vụ cho nhu cầu giải trí nghệ thuật, các nhạc công đã đưa thêm một số nhạc cụ dây có khả năng nhấn nhá như đàn tranh, kim, thay trống nhạc thành song lang v.v... Âm nhạc dần thoát khỏi tính chất trang nghiêm của lễ nghi để đi vào phục vụ cuộc sống đời thường. Đây có thể coi là nền tảng ban đầu của Đờn ca tài tử. Năm 1885, kinh đô

Huế thất thủ. Việc các nhạc công rời bỏ cung đình Huế di cư vào Nam truyền dạy âm nhạc Huế đã có một ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của Đờn ca tài tử. Lúc này, Đờn ca tài tử đã thực sự định hình sau khi hoàn tất quá trình kế thừa, tiếp thu nhạc Huế cả về bài bản lẫn hình thức ca đàn thính phòng. Đờn ca tài tử ra đời nhận được sự hưởng ứng của đông đảo quần chúng Nam bộ.

Trải qua nhiều biến cố thăng trầm, đến nay Đờn ca tài tử vẫn có một tầm ảnh hưởng văn hóa sâu rộng và có lẽ cũng chưa có loại hình âm nhạc dân tộc nào lại có sức lan tỏa mạnh mẽ như Đờn ca tài tử. Điều đó khẳng định giá trị nghệ thuật độc đáo, không nhầm lẫn với bất cứ loại hình âm nhạc nào khác. Đờn ca tài tử - một loại hình nghệ thuật vừa mang tính dân gian quần chúng, vừa mang tính bác học chuyên nghiệp.

Khoảng giữa thế kỷ XX, các tài tử bậc thầy ở hai miền Đông và Tây Nam Bộ đã nhóm họp với nhau và thống nhất lựa chọn ra 20 bản đờn hay nhất, cổ nhất và tiêu biểu cho 4 hơi Bắc, Ngự, Nam, Oán trong hàng trăm bản đờn để làm ra 20 bản tở. Từ đó, những ai muốn trở thành Tài tử phải học và chơi được 20 bản

tổ. 20 bản Tổ được chia thành 4 nhóm bài bản:

1. Nhóm 6 bản Bắc: Lưu thủy trường, Phú lục chắn, Bình bán chắn, Cổ bản trường, Xuân tình và Tây Thi.
2. Nhóm 7 bản “Nhạc”: Đây là 7 bản khí nhạc được kể thừa từ dân nhạc phe Văn của nhạc Lễ Nam bộ, gồm: Xàng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Long ngâm, Vạn giá và Tiểu khúc.
3. Nhóm 3 bản Nam: 3 bản Nam cũng được kể thừa từ nhạc Lễ Nam bộ gồm Nam xuân, Nam ai và Nam đào.
4. Nhóm 4 bản Oán: Đây là những bản nhạc được người Nam bộ kể thừa và phát triển vốn âm nhạc truyền thống một cách sáng tạo. Nó mang bản sắc riêng, phong cách riêng của người Nam bộ, đóng góp và làm phong phú nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. 4 bản Oán gồm: Tứ đại oán, Phụng hoàng, Giang nam, Phụng cầu.

Nhạc cụ sử dụng trong dân nhạc Đờn ca Tài tử khá phong phú bao gồm: cò, gáo, tranh, kim, sến, bầu, tiêu, song lang v.v... Các nhạc khí ngoài đệm cho ca còn hòa tấu với nhau. Tài tử khi chơi 1 cây đàn gọi là độc chiếc, từ hai cây trở lên gọi là hòa đàn. Hòa đàn Tài tử chủ yếu là sự kết hợp của các nhạc cụ có âm sắc khác nhau - nhiều loại nhạc cụ, không thấy hiện tượng các cây đàn cùng một loại hòa tấu với nhau. Trong các nhạc cụ chỉ có cò, kim, tranh, là ba cây đàn có bài bản riêng.

Nét riêng biệt của nghệ thuật Tài tử được thấy là ở phong cách hòa đàn. Hòa đàn trong Tài tử vừa mang tính ngẫu hứng, sáng tạo, vừa đầy tính nghiêm khắc, qui phạm. Khi hòa đàn, các tài tử phải dựa trên lòng bản (những chữ nhạc chính của hơi, điệu)

mà ngẫu hứng giai điệu. Nhờ vậy, người đàn có điều kiện tự do trở hết khả năng nghệ thuật của mình mà sáng tạo ngôn đàn, sáng tạo giai điệu.

Bên cạnh hình thức hòa đờn, hình thức hòa ca cũng chiếm vai trò khá quan trọng. Hòa ca là dân nhạc và ca sỹ cùng biểu diễn một bài bản. Tuy nhiên, khi đó giọng ca là giai điệu chính, đàn nhạc trở thành phần đệm.

Lời ca được viết dựa trên giai điệu của bản đàn. Một bản đàn thường đặt nhiều lời ca khác nhau, với nội dung đa dạng, phản ánh nhiều mặt trong đời sống xã hội.

Năm 2013, nghệ thuật Đờn ca tài tử của Việt Nam đã chính thức được UNESCO đưa vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Những bản nhạc lựa chọn trong CD này được sưu tầm và thu thanh vào năm 1977 - 1978. Tuy chất lượng âm thanh thu được từ thời đó không thật tốt nhưng chúng tôi hy vọng đây sẽ là một nguồn tư liệu quý. Thông qua những bài ca, bản đờn trong CD này chúng ta có thể tìm hiểu về một giai đoạn và một lối trình diễn Đờn ca tài tử của các nhạc sư, nghệ sĩ thời kỳ trước.

1.

## Lưu thủy trường (Độc tấu đàn tranh)

Biểu diễn: Nhạc sư Vĩnh Bảo  
Thời gian thu thanh và sưu tầm: 1977

Lưu thủy trường là một trong 6 bản thuộc giọng Bắc, nằm trong hệ thống 20 bản Tổ của nhạc Đờn ca tài tử. Lưu thủy trường bao gồm 32 câu nhịp 8 (mỗi câu 8 nhịp). Trong 6 bản Bắc, Lưu thủy trường được xem là bản đờn tiêu biểu, thường được chơi mở đầu cho các cuộc chơi Đờn ca tài tử. Nhịp độ của bản nhạc vừa phải, tính chất âm nhạc vui tươi, khỏe khoắn.

Đây là tiết mục độc tấu đàn tranh do Nhạc sư Vĩnh Bảo - một vị thầy nổi tiếng trong giới Đờn ca tài tử thành phố Hồ Chí Minh trình bày.

Đờn tranh là nhạc cụ dây gẩy, không cần, có 16 dây. Đàn bằng gỗ, hộp đàn hình chữ nhật. Trên mặt đàn, một đầu là cầu đàn, đầu kia là các trục đàn, ở giữa có ngựa đàn (nhạ). Ngựa đàn cao nên có khả năng nhấn nhá tốt. Đàn có 16 dây bằng sắt mắc song song trên mặt đàn từ cầu đàn qua ngựa đàn tới trục đàn. Đàn lên dây theo thang ngũ cung, khoảng âm rộng 3 quãng 8. Khi muốn thay đổi cao độ các âm dùng tay trái di chuyển ngựa đàn. Người chơi dùng tay trái để nhấn dây đàn, tay phải gảy dây đàn. Có thể gảy bằng móng tay thật hoặc đeo móng tay giả bằng kim loại, nhựa, đồi mồi.

2.

## Ngũ đối hạ (Hát và đàn nhạc)

Biểu diễn: Ngọc Chiêu (hát)  
Đàn nhạc đệm: Nguyễn Thế Huyền (cò), Anh Duy (kim)  
Thời gian thu thanh và sưu tầm: 1977

Ngũ đối hạ là một trong 7 bản nhạc Lễ tiêu biểu, bao gồm 38 câu, nhịp tư. Giai điệu bản Ngũ đối hạ trang trọng, uy nghi. Nội dung lời ca của bài này nói về nỗi lòng của cha mẹ, lời tâm sự của cha mẹ dặn dò con gái. Bản nhạc này được đệm bởi 2 nhạc cụ là đờn cò và đờn kim.

Đờn kim là nhạc cụ dây gẩy, có 2 dây. Đàn làm bằng gỗ, hộp đàn hình tròn, dẹt. Trên mặt đàn có bộ phận mắc dây (ngựa đàn). Cần đàn dài, bằng gỗ, gắn 7 phím, còn 3 phím gắn trên mặt đàn. Các phím cao nên có khả năng nhấn nhá tốt. Đàn có hai dây bằng tơ hoặc nylon, thường lên cách nhau 1 quãng 5 đúng. Trong khi diễn có thể chuyển dây tùy theo bài bản. Người chơi dùng tay trái để nhấn phím, tay phải gảy dây đàn. Có thể gảy bằng móng tay hoặc miếng gảy bằng tre hoặc nhựa.

Đờn cò là nhạc cụ dây kéo. Đàn có hai dây sắt, thường lên cách nhau 1 quãng 4 hoặc quãng 5 đúng. Bầu đàn bằng gỗ, hình ống tròn, một đầu bịt da trăn, trên mặt da có ngựa đàn. Cần đàn dài, không có phím, làm bằng gỗ, đầu trên có hai trục để lên dây, đầu dưới cắm vào bầu đàn. Cung vĩ bằng tre hoặc gỗ, mắc lông đuôi ngựa, được lỏng giữa hai dây đàn. Người chơi dùng tay trái bấm trên cần tạo cao độ, tay phải dùng cung kéo.

### 3.

#### Nam xuân - Nam ai (Hát và đàn nhạc)

Biểu diễn: Thanh Tao

Đàn nhạc đệm: Năm Bá (bầu), Tư Huyền (violon), Anh Duy (kim)

Thời gian thu thanh và suru tằm: 1977

Bài ca này được hát trên 2 điệu Nam xuân (20 câu) qua Nam ai (28 câu). Nam xuân, Nam ai là hai trong số ba điệu Nam nâm trong hệ thống 20 bản Tò. Tính chất của điệu Nam ung dung, nhẹ nhàng, thoáng đượm buồn. Tiết mục này được đệm bởi 3 nhạc cụ: bầu, kim và violon

Đàn bầu là nhạc cụ dây gẩy. Đàn làm bằng gỗ, thân hình hộp dài. Vòi (cần) nhỏ bằng tre hoặc nhựa, vót mỏng. Vòi được cắm xuyên qua vỏ bầu rồi cắm xuống đầu thân đàn. Cuối thân đàn có trục lên dây bằng gỗ hoặc kim loại. Đàn có một dây bằng sắt, nối giữa vòi và trục. Về nguyên lý phát âm, độc huyền (một dây) dùng âm bội. Người chơi dùng tay trái uốn cần tạo cao độ, tay phải gẩy dây đàn bằng tre vót nhọn đồng thời chạm nhẹ vào diêm nút dây đàn để tạo nên âm bội.

Đàn violon có nguồn gốc từ đàn Violon của phương Tây. Khi sử dụng trong dàn nhạc Tài tử có thay đổi cách lên dây đàn.

Đàn kim: xin tham khảo tiết mục số 2

### 4.

#### Bình sa lạc nhận (Hòa tấu đàn nhạc)

Biểu diễn: Nguyễn Văn Thịnh (tranh), Chín Tâm (kim), Ba Trung (cò)

Thời gian thu thanh và suru tằm: 1977 - 1978

Bình sa lạc nhận gồm 3 lớp, 37 câu nhịp 8, là một trong 4 bản Oán Ngoại thông dụng trong nhạc Đờn ca tài tử. Bài này

được lấy điển tích từ câu chuyện nàng Chiêu Quân bị đem đi cống Hồ. Đề bày tỏ nỗi lòng thương nhớ chồng và nước non, nàng đã gảy đàn bài này. Bản nhạc này do 3 nhạc cụ tranh, kim và cò hòa tấu (xin xem tham khảo về nhạc cụ ở các tiết mục số 1, 2 và 3).

### 5.

#### Vãn Thiên Tường (Hát và đàn nhạc)

Biểu diễn: Tuyết Lan

Đàn nhạc đệm: Năm Bá (bầu), Anh Duy (kim)

Thời gian thu thanh và suru tằm: 1977

Vãn Thiên Tường là một trong những bản nhạc Oán biến thể, gồm có 3 lớp, 42 câu, nhịp 8, điệu Ai Oán. Bản nhạc này do ông Trần Quang Thọ - một nhạc công triều đình Huế di cư từ Huế vào Nam và ngụ tại đất Mỹ Tho sáng tác. Nội dung bản nhạc mượn tích của Vãn Thiên Tường để ca ngợi vị anh hùng dân tộc Thủ Khoa Huân của Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp vào những thập niên cuối thế kỷ XIX. Sau đó, Vãn Thiên Tường đã được đặt lời ca với nhiều nội dung khác nhau để hát. Tiết mục này được ca sĩ Tuyết Lan trình diễn 2 lớp (lớp 1 và 3) với sự tham gia của 2 nhạc cụ đệm là đàn bầu và đàn kim.

### 6.

#### Kim tiền bản (Hòa tấu đàn nhạc)

Biểu diễn: Tư Huyền (violon), Anh Duy (kim)

Thời gian thu thanh và suru tằm: 1977

Đây là một bản nằm trong 10 bản Thập Thủ Liên Hườn. Theo nhà nghiên cứu Đờn ca tài tử Nguyễn Tấn, nguồn gốc của 10 bản này ra đời vào triều vua Quang Trung (cuối thế kỷ XVIII) khi sứ đoàn đến Kinh đô Thanh Triều (Trung Quốc) dự lễ mừng thọ vua Càn Long. Khi đến Trung Quốc, sứ đoàn được tham quan nhiều danh lam, thắng cảnh đẹp nên khi trở về nước, họ đã làm 10 bài thơ ca tụng cảnh sắc thiên nhiên của đất nước này. Mười bài thơ ấy đã được vua Quang Trung truyền cho nhạc quan triều nội soạn thành 10 bản nhạc để tấu vua nghe. Sau này 10 bản nhạc ấy được giới chơi Đờn ca tài tử sử dụng và đặt tên là Thập Thủ Liên Hườn.

Kim tiền bản là bản nhạc gồm 26 câu, nhịp đôi được tấu khi sứ đoàn vào châu vua và được vua ban thưởng tiền vàng.

## ĐỒN CA TÀI TỬ, A CHAMBER MUSIC OF SOUTHERN VIETNAM

Đờn ca tài tử is a special traditional genre of chamber music of the Việt people in southern Vietnam. In comparison with other forms of traditional musical performances in Vietnam like Ca trù (Ca trù singing), Ca Huế (Hue singing), etc, the art of Đờn ca tài tử was a late traditional form. According to many musical researchers, Đờn ca tài tử came into being in the mid-nineteenth century from the musical context of the ceremonial music nhạc Lễ of southern Vietnam and the chamber music nhạc Huế.

Historically, nhạc Lễ played a very important role in the cultural life of southern Vietnam. The repertoire was divided into two styles played by a martial ensemble phe võ and a classical ensemble phe văn. The phe võ is composed of drums, cymbals, and the Vietnamese oboe kèn bầu. The phe văn consisted of stringed instruments, particularly four types of the cò (two-stringed fiddles, such as the cò, the cò chi, the cò tre, and the gáo fiddle), and percussion instruments such as the trống nhạc (drum), and a trống cơm (a small cylindrical drum). The two ensembles are invited to play at major village festivals. But for less important occasions such as weddings, birthdays, and housewarmings, a smaller phe văn group is called in, which

includes the stringed instruments without percussion instruments. This ensemble is called đờn cây. For the need of artistic entertainment, other stringed instruments progressively joined this ensemble such as the đàn tranh (sixteen-string zither), the kim (moon-shaped lute) and the very small wooden song lang. Music gradually escapes the solemn nature of rituals to serve daily life. It can be considered the initial foundation of Đờn ca tài tử, but it was not yet the Đờn ca tài tử. In 1885, when the Huế capital fell, the immigration of instrumentalists of the Nguyễn court from central Vietnam to the southern region made significant influence on the development of Đờn ca tài tử. At this time, Đờn ca tài tử was actually shaped after acquiring Huế chamber music in both repertoires and performance styles. The emergence of Đờn ca tài tử has received great support and favor of the majority of people in the southern Vietnam.

Through many ups and downs, now Đờn ca tài tử still has a wide and deep influence on culture. Also, it is probable that Đờn ca tài tử is the most pervasive. This confirms the special artistic values of Đờn ca tài tử, a genre of art that is both popular and

scholarly.

In the middle of the twentieth century, the tài tử masters in the east and the west of the southern region gathered and unanimously selected twenty musical pieces as the best, the most ancient, and typical for four nuances—namely, Bắc, Ngự, Nam, and Oán. These twenty musical pieces (20 bản Tờ) are considered to be the original and principal pieces. Since then, those who want to become a tài tử player must learn how to play these twenty principal pieces:

1. Six Bắc pieces entitling Lư thủy trường, Phú lục chắn, Bình bản chắn, Cò bản trường, Xuân tinh and Tây Thi.
2. Seven Nhạc pieces including seven musical pieces borrowed from classical repertoire phe văn of southern ceremonial music nhạc Lễ. They are Xàng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đàng, Long ngâm, Vạn giá and Tiểu khúc.
3. Three Nam pieces are also from southern ceremonial music nhạc Lễ. They are Nam xuân, Nam ai and Nam đảo.
4. Four Oán pieces come from traditional music and reflect the modal and melodic creativity of the Tài tử performers and the specific features of this genre compared with the other forms of traditional Vietnamese music. They are Tứ đại oán, Phụng hoàng, Giang nam and Phụng cầu.

The instruments used in Đờn ca tài tử are numerous and varied, including the cò (two-string fiddle), the gáo (fiddle), the tranh (sixteen-string zither), the kim (moon-shaped lute), the sến (lute), the bầu (monochord), the tiêu (vertical flute), the song lang (percussion) among others. These musical instruments are played to accompany vocals and to play as ensemble. Đờn ca tài tử can be played by an instrumental ensemble plus a male or

female vocal, depending on the pieces. It can be played as solo or ensemble. Tài tử instrumental ensemble is mainly a combination of instruments with different timbres. However, it does not include two identical instruments in the group. Among the instruments, only three—the cò, the kim, and the tranh—have their own repertoire.

The style of instrumental ensemble is one of the most remarkable features of Đờn ca tài tử. The Tài tử instrumental ensemble is creatively improvised, but ensures the conformity to the musical principles of the musical piece. In an ensemble, players can improvise based on the skeletal melodies. Thus, the players have opportunities to show off their ability in fingering and creating melodies.

Apart from the instrumental ensemble, the vocal ensemble also is crucial and always needs instrumental accompaniment. The lyrics are composed based on the melody of the musical piece. One musical piece can include many different singing lyrics with diverse content, reflecting many aspects of social life.

In 2013, the Art of Đờn ca tài tử music and song in southern Vietnam was officially put on the UNESCO Representative List of Intangible Cultural Heritage of Humanity. The musical pieces in this CD were collected and recorded in 1977 and 1978. Although the sound quality isn't that good, we hope that these recordings will become precious documentary resources. The songs and the instrumental musical pieces in this CD can help us to understand the performance style of Đờn ca tài tử musicians and instrumentalists in the past.

## 1. Lư thủy trường (The tranh zither solo)

Performer: Master musician Vĩnh Bảo  
Time of audio-recording: 1977

Lư thủy trường is one of the series of six Bắc pieces belonging to the twenty principal musical pieces of Đờn ca tài tử art. It consists of thirty-two eight-bar phrases. Among the six Bắc pieces, Lư thủy trường is considered the typical one played for opening Đờn ca tài tử performances. The tempo is moderate and musical characteristics are joyful and strong. This is a solo performance of the tranh (sixteen-string zither) performed by master musician Vĩnh Bảo—a famous teacher of Đờn ca tài tử in Ho Chi Minh City.

The tranh is a plucked string instrument without a neck. It is made of wood and has rectangle-shaped resonator. On the surface, the bridge is put at one end and the pegs at the other end. The sixteen strings are typically tuned to a pentatonic scale and suspended over bridges and secured through a gauge, which is located in the middle. The gauge is not fixed and is adjusted to modify the sound and change the musical scale according to the piece. The players use the left hand to press the strings and the right hand to pluck the strings. It can be plucked by using fingernails or artificial nails made of metal, plastic, or tortoiseshell.

## 2. Ngũ đối hạ (Singing with accompaniment)

Performers: Ngoc Chiếu (singer)  
Accompaniment ensemble: Nguyễn Thế Huyền (the cò fiddle), Anh Duy (the kim lute)  
Time of audio-recording: 1977

This solemn piece belongs to the series of seven Nhạc pieces. The complete version consists of thirty-eight four-bar phrases. The lyrics are about parents' inmost feelings and their reminders to the daughter. This musical piece is played by the cò (two string fiddle) and the kim (moon-shaped lute). The kim, a plucked string instrument, has two strings. It is made of wood and has a flat and round resonator. On the surface, the gauges are attached. It has a long neck with nine frets. The rest three frets are on the surface. The two silk or nylon strings are tuned at a perfect fifth interval. The players use the left hand to press the frets and the right hand to pluck the strings. The instrument can be plucked using a fingernail or a bamboo or plastic plectrum. The cò is a bow stringed instrument with two iron strings tuned to a fourth or a perfect fifth interval. The body of the instrument is cylindrical and the top surface is covered with snake skin. The neck is made of wood and does not have frets. The bow is strung with horsetail. The players use the left hand to press onto the neck to create pitch and the right hand to bow.

## 3. Nam xuân - Nam ai (Singing with accompaniment)

Performers: Thanh Tao (singer)  
Accompaniment ensemble: Năm Bá (the bầu monochord), Tu Huyền (the violin), Anh Duy (the kim lute)  
Time of audio-recording: 1977

This song includes two melodies Nam xuân (twenty phrases) and Nam ai (twenty-eight phrases). Nam xuân, Nam ai are two out of three Nam pieces belonging to the twenty principle pieces. The piece takes on melancholic and deliberate characteristics. This musical piece is played by the bầu (monochord), the kim (moon-shaped lute), and the violin. The bầu, a plucked string instrument made of wood, has a long rectangular resonator. A small arm made of bamboo or plastic is put through a gourd cover and attached to the resonator. At the end of the resonator, a metal or wooden peg is attached. The instrument has a metal string and has no frets. When playing the monochord, the musician creates overtones by lightly pressing the nodal points along the metal string. The violin is a western instrument that has some modifications to its strings when being used in Tài tử orchestra. For information about the kim, please refer to the description for track 2.

## 4. Bình sa lạc nhận (Instrumental ensemble)

Performers: Nguyễn Văn Thịnh (the tranh zither), Chin Tâm (the kim lute), Ba Trung (the cò fiddle)  
Time of audio-recording: 1977 - 1978

Bình sa lạc nhận consists of three sections, thirty-seven eight-bar phrases and is one of the four popular Oán Ngoại pieces of Đờn ca tài tử music. This musical piece was written based on the story about Ms. Chiêu Quân, who was brought to the Hồ country as a tribute. To express the feeling of missing her husband and country, she played this musical piece. This musical piece is played as ensemble by the tranh (sixteen-string zither), the kim (moon-shaped lute) and the cò (two string fiddle) For information about these instruments, please refer to the descriptions for tracks 1, 2, and 3.

## 5. Văn Thiên Tường (Singing with accompaniment)

Performers: Tuyết Lan (singer)  
Accompaniment ensemble: Năm Bá (the bầu monochord), Anh Duy (the kim lute)  
Time of audio-recording: 1977

Văn Thiên Tường is one variation on Oán pieces, which have three sections and forty-two phrases of eight bars each and are played with an Ai Oán nuance. This instrumental piece was composed by Trần Quang Thọ, a court musician of the Nguyễn dynasty of Huế who moved to Mỹ Tho province. It is to praise the national hero of Vietnam Thủ Khoa Huân in the resistance war against the French in the last decades of the twentieth century. After that, many new songs have been composed in accordance with the melody of Văn Thiên Tường. This item is performed by singer Tuyết Lan with two sections (1 and 3) with the combination of the bầu (monochord) and the kim (lute).

## 6. Kim tiền bản (Instrumental ensemble)

Performers: Tư Huyền (the violin), Anh Duy (the kim lute)  
Time of audio-recording: 1977

This is one of the ten pieces of Thập Thủ Liên Hoàn. According to Đờn ca tài tử researcher Nguyễn Tấn, these ten pieces came from the reign of King Quang Trung (the end of eighteenth century) when a diplomatic delegation to the capital of the Thanh dynasty (China) attended the longevity ceremony of Càn Long King. They explored many beautiful places in China and composed ten poems to praise the Chinese scenery after returning to Vietnam. King Quang Trung appointed musical mandarins to set these poems to music for his musical enjoyment. Later, the Đờn ca tài tử circle performed these musical pieces and called them Thập Thủ Liên Hoàn.

Kim tiền bản musical piece has twenty-six phrases of two bars each. It was played when the diplomatic delegation attended the king's audience and was rewarded golden coins by the king.

## 베트남 남부지역의 실내악 던 까 따이 뜨

던 까 따이 뜨(Đờn ca tài tử)는 베트남 남부지역 비엠흥족(Việt)만의 고유한 전통 실내악이다. 까 주(Ca trù), 까 후에(Ca Huế) 등 베트남의 다른 전통음악과 비교할 때 던 까 따이 뜨는 '최근'의 전통음악이라 할 수 있다. 많은 음악 연구자에 따르면 던 까 따이 뜨는 베트남 남부지역의 의례음악인 낙 레(nhạc Lễ)와 실내악인 낙 후에(nhạc Huế)의 음악을 배경으로 하여 19세기 중반에 생겨났다.

지난날 낙 레는 베트남 남부지역의 문화생활에서 커다란 역할을 했다. 연주곡으로는 군악 합주인 페 보(phe võ)와 클래식 합주인 페 반(phe văn)의 두 가지 형태가 있다. 페 보는 북, 심벌즈와 베트남 오보에인 켄 버우(kèn bầu)로 구성됐다. 페 반은 특히 꼬(cò), 꼬 짜(cò chi), 꼬 쟈(cò tre), 가오(gáo) 등 2현금인 꼬(cò) 형태의 현악기 4종류와 북인 쯡 낙(trống nhạc) 및 원통형 작은북인 쯡 겸(trống cơm) 같은 타악기로 이뤄져 있다. 이러한 두 종류의 합주는 마을의 주요 축제에서 연주됐다. 하지만 결혼, 생일, 집들이와 같은 별로 중요하지 않는 행사에서는 타악기 없이 현악기로만 구성

된 소규모의 페 반 합주가 연주됐다. 이러한 합주는 던 까이(dòn cày)라고 불렸다. 격조 높은 풍류를 목적으로 16현 치터인 단 짜인(dàn tranh), 달 모양 류트인 낄(kim), 나무로 아주 작게 만든 송랑(song lang) 등과 같은 현악기가 점점 추가됐다. 음악은 점점 의례의 엄숙함을 벗어나 일상생활에 맞는 형식으로 바뀌어 갔다. 이것이 던 까 따이 뜨의 기초라고 생각할 수도 있겠지만 그 당시까지는 아직 던 까 따이 뜨가 정립되지 않았다. 1885년에 수도인 후에(Huế)가 함락됐을 때 응우옌 왕조 왕실의 악사들이 후에 음악 전승을 위해 베트남 중부에서 남부로 이동한 것이 던 까 따이 뜨의 발전에 지대한 영향을 미쳤다. 그때 던 까 따이 뜨는 후에 실내악을 받아들인 후에 레퍼토리나 연행 스타일 면에서 형태를 갖춰 갔다. 던 까 따이 뜨는 베트남 남부지역의 전폭적인 지지를 받았다.

후에 던 까 따이 뜨는 현재 갖은 부침을 겪고 난 뒤에도 여전히 광범위하고 깊게 문화 분야에서 영향력을 행사하고 있다. 또한 가장 뿌리 깊게 스며들어 있는 것이 바로 던 까

파이 뜨일 것이다. 이는 대중성과 학문성을 모두 포함하는 예술의 한 영역으로서 던 까 파이 뜨의 특별한 예술 가치를 확인시켜 준다.

20세기 중반 남부지역 동서부의 파이 뜨 음악가는 가장 오래되고 잘 알려진 20곡을 선정했는데, 이 곡들은 박(Bác), 응(Ngũ), 남(Nam), 오안(Oãn) 스타일을 전형적으로 보여주고 있다. 이렇게 선정된 20곡은 원곡으로 여겨지고 있다. 이후로 파이 뜨 음울을 배우고 싶은 사람은 반드시 이 20곡을 연주하는 방법을 배워야만 한다.

1. 박(Bác) 6곡은 르우 투이 쯔영(Lưu thủy trường), 푸 록 쩐(Phú lục chấn), 빈 반 쩐(Bình bán chấn), 꼬 반 쯔영(Cố bản trường), 쑤언 쩐(Xuân tình), 쩌이 티(Tây Thi)이다.

2. 낙(Nhạc) 7곡은 남부 의례음악인 낙 레(nhạc Lê)의 전통 의례음악 께 반(phê vãn)에서 온 것들이다. 이들은 쌍 쩌(Xàng xè), 응우 도이 트영(Ngũ đôi tương), 응우 도이 하

(Ngũ đôi hạ), 롱 당(Long đàng), 롱 응엄(Long ngăm), 반 자(Vạn giá), 띠에우 쿡(Tiểu khúc)이다.

3. 남(Nam) 3곡도 남부 의례음악 낙 레에서 유래했다. 남 쑤언(Nam xuân), 남 아이(Nam ai), 남 다오(Nam dào)가 있다.

4. 오안(Oãn) 4곡은 전통음악에서 온 것으로, 파이 뜨(Tây tử) 연행자의 형식과 멜로디의 창의성 및 다른 전통음악과는 다른 특성을 반영하고 있다. 곡은 뜨 다이 오안(Tứ đại oán), 풍 호앙(Phụng hoàng), 장 남(Giang nam), 풍 꺼우(Phụng cầu)다.

던 까 파이 뜨에 사용되는 악기는 꼬, 가오, 16현 치터인 짜인, 깐, 류트의 일종인 쎬(sến), 1현금인 베투(bầu), 세로형 플루트 띠에우(tiêu), 타악기의 하나인 송 랑(song lang) 등 헤아릴 수 없이 많고 다양하다. 이러한 악기는 가창 반주와 기악 합주에 사용된다. 던 까 파이 뜨는 곡에 따라 기악 합주와 남녀 가창으로 이뤄진다. 경우에 따라서 독주 또는 합주로

연주될 수 있다. 던 까 파이 뜨 기악 합주는 서로 다른 여러 악기로 구성된다. 하지만 두 개의 같은 악기를 합주단에 포함시키지는 않는다. 기악 합주에 포함되는 악기 가운데 꼬, 깐, 짜인 등 세 가지 악기만이 각자의 음률을 지니고 있다.

기악 합주 형식은 던 까 파이 뜨를 대표하는 특징이다. 던 까 파이 뜨 기악 합주는 창의와 즉흥 방식으로 연주되지만 해당 곡의 음악 기본 원칙은 지킨다. 연주자는 기본 가락에 바탕을 두고 곡을 자유롭게 해석해 즉흥으로 연주할 수 있다. 이렇게 새로운 멜로디를 창작해 자신의 능력을 자랑할 수 있는 기회로 삼기도 한다.

합창도 기악 합주와 별도로 던 까 파이 뜨에서 중요하며, 언제나 악기 반주를 필요로 한다. 가사는 곡의 가락을 기본으로 하여 만들어진다. 곡 하나하나의 살아가면서 겪는 다양한 이야기를 반영한 온갖 노랫말로 이뤄질 수 있다. 베트남 남부지역의 던 까 파이 뜨 음악과 노랫말은 2013년에 유네스코 인류무형유산 대표목록에 등재됐다. 이 CD에

수록된 곡들은 1977~1978년에 수집되고 녹음한 것들이다. 당시의 음질은 그리 좋지 않지만 이것이 귀중한 자료가 되기를 바란다. 여기에 수록된 노랫말과 기악곡들이 과거 던 까 파이 뜨 연행자와 악기의 연행 스타일을 이해하는 데 도움이 됐으면 한다.



## 1. 르우 투이 쩡영 (Lầu thùy trường)- 치터의 일종인 짜인(tranh) 독주

연행사: 빈바오(Vinh Báo) 명창  
녹음연도: 1977년

르우 투 쩡영(Lầu thùy trường)은 딘 까 파이 뜨의 주요 음악 20곡 가운데 박(Bác) 음악 6곡의 하나다. 이 노래는 32절 8마디로 이뤄져 있다. 박 음악 6곡 가운데 르우 투 쩡영은 딘 까 파이 뜨 공연 시작에 사용되는 주요한 곡의 하나다. 박자는 중간 정도이며, 음색의 특징은 흥겹고 힘차다. 수록된 곡은 호치민의 딘 까 파이 뜨 유명 교사이자 음악 거장인 빈바오(Vinh Báo)가 연주한 16현 치터 짜인(tranh) 독주다.

짜인은 목이 없이 뜯는 현악기다. 재질은 나무이며, 장방형의 울림통이 있다. 상판의 한쪽 끝에는 브리지, 다른 쪽 끝에는 짐게를 각각 놓는다. 중간에는 음 조절기가 있다. 16현은 주로 5음계에 따라 조율된다. 줄은 브리지에 지탱해 매고 조절기에 고정시킨다. 조절기는 고정돼 있지 않으며, 곡에 따라 소리를 조율하고 음계를 바꾸기 위해 이동된다. 연주자는 왼손으로 줄을 누르고 오른손으로 줄을 뜯는다. 줄을 뜯을 때는 맨 손톱으로 뜯을 수도 있고 금속, 플라스틱, 거북딱지 등으로 만든 인조 손톱으로 뜯을 수도 있다.

## 2. 응우 도이 하 (Ngũ đôi hạ; 반주를 곁들인 가창)

연행사: 응옥찌에우(Ngọc Chiếu) 가창  
반주합주: 응우옌테후옌(Nguyễn Thế Huyền) 꼬 연주, 아인주이(Anh Duyệt) 김 연주  
녹음연도: 1977년

엄숙한 곡인 응우 도이 하(Ngũ đôi hạ)는 낙(Nhạc) 유형에 속한다. 전곡은 38절 4마디로 구성돼 있다. 노래말은 부모의 깊은 마음과 부모의 딸 생각에 관한 것이다. 이 곡은 2현금 꼬(cò)와 달 모양 류트 김(kim)으로 연주된다.

뜯는 현악기인 김은 줄이 2개다. 나무로 만들어지고, 편평하고 둥근 울림통이 있다. 상판에는 음 조절 장치가 붙어 있다. 목이 길며, 목에는 프렛 9개가 있다. 상판에도 프렛 3개가 있다. 명주 또는 나일론으로 된 두 가닥의 줄은 완전5도로 조율된다. 연주자는 왼손으로 프렛을 누르고 오른손으로 줄을 뜯는다. 줄은 맨 손톱을 사용하거나 대나무 또는 플라스틱으로 만든 꺾으로 뜯는다.

꼬는 활 모양의 현악기다. 꼬는 철로 만들어진 줄이 있고, 줄은 4도 또는 완전5도로 조율된다. 악기의 몸통은 원통형이고, 상판은 뱀가죽으로 덮여 있다. 목은 나무로 되어 있고, 프렛은 없다. 연주는 딸꼬리로 한다. 연주자는 왼손으로 음높이를 조정하기 위해 목을 누르고 오른손으로 줄을 뜯는다.

## 3. 남 쑤언-남 아이 (Nam xuân - Nam ai; 반주를 곁들인 가창)

연행사: 탄인따오(Thanh Tào) 가창  
합주반주: 남바(Nam Ba) 버우 연주, 투후옌(Từ Huyền) 바이올린 연주, 아인주이(Anh Duyệt) 김 연주  
녹음연도: 1977년

수록된 노래는 20구로 이뤄진 남 쑤언(Nam xuân)과 28구의 남 아이(Nam ai) 2개 곡이다. 남 쑤언과 남 아이는 주요 음악 20곡 가운데 남(Nam) 3곡 중 2곡이다. 음악은 구슬프고 의미심장한 성격을 보인다. 이 곡은 1현금인 버우(bầu), 달 모양 류트 김(kim), 바이올린으로 연주됐다.

뜯는 현악기인 버우는 나무로 만들어졌다. 긴 장방형의 울림통이 있다. 작은 팔은 대나무나 플라스틱으로 만든다. 이것을 박 커버에 넣어서 울림통에 붙인다. 마지막으로 울림통 끝에다 금속이나 나무로 만든 짐게를 부착한다. 버우는 하나의 금속 줄이 있고 프렛은 없다. 버우를 연주할 때 연주자는 금속 줄을 따라 마디를 가볍게 누름으로써 음을 낸다.

바이올린은 서양악기로서 딘 까 파이 뜨 관현악 연주에서 사용될 때 줄에 변화를 주기 위해 동원된다. 김에 관해서는 트레 2를 참고하기 바란다.

## 4. 빈 사락 난 (Bình sa lạc nhạt; 기악 합주)

연행사: 응우옌반딘(Nguyễn Văn Đình) 짜인 연주, 천범(Chân Tâm) 김 연주, 바중(Bà Trung) 꼬 연주  
녹음연도: 1977~1978년

빈 사락 난(Bình sa lạc nhạt)은 37절 8마디의 3부분으로 구성됐으며, 로 딘 까 파이 뜨에서 인기 있는 오안 응오아이(Oãn Ngoai) 음악 4곡 가운데 한 곡이다. 이 곡은 공물로 호(Hồ)국에 온 찌에우 쩌엔(Chiêu Quán) 여인에 관한 이야기다. 찌에우 은 두고 온 남편과 조국을 그리워하는 감정을 표현하기 위해 이 음악을 만들었다. 이 음악은 16현 치터인 짜인(tranh), 달 모양 류트인 김(kim), 2현금인 꼬(cò)의 합주로 연주된다.(악기에 관해서는 트레 1, 2, 3 참고)

## 5. 반 티엔 쩡영 (Vân Thiên Tường; 반주를 곁들인 가창)

연행사: 뚜엣란(Tuyết Lan) 가창  
반주합주: 남바(Nam Bà) 버우 연주, 아인주이(Anh Duyệt) 김 연주  
녹음연도: 1977년

반 티엔 쩡영(Vân Thiên Tường)은 각 8마디를 이룬 42절의 3부분으로 구성된 오안(Oãn) 변주의 한 형태이며, 아이 오안(Ai Oãn) 풍으로 연주됐다. 이 기악곡은 미토(My Tho) 성으로 이주한 응우옌 왕조의 음악가 쩌광토(Trần Quang Thọ)가 작곡했다. 이 노래는 20세기 마지막 수십 년 동안 프랑스에 맞서 저항한 베트남의 국민 영웅 투 카오 후인(Thù Khoa Huân)을 칭송하는 곡이다. 그 이후에 반 티엔 쩡영의 가락에 맞춰 많은 노래가 만들어졌다. 수록된 곡은 가창자 뚜엣란(Tuyết Lan)이 1현금인 버우(bầu)와 달 모양 류트인 김(kim)의 반주를 곁들여 두 부분(1, 3)을 부른 것이다.

## 6.

### 김 띠엔 반 (Kim tiên bản; 기악 합주)

연행자: 트후옌(Tu Huyền) 바이올린 연주, 아인주이(Anh Duy), 김(kim) 연주  
녹음연도: 1977년

김 띠엔 반(Kim tiên bản)은 탐 투 리엔 호언(Thập Thủ Liễn Huân) 10곡 가운데 한 곡이다. 딘 까 띠이 트 연구자 응우옌떤(Nguyễn Tân)에 따르면 이 10곡은 18세기 말 광중(Quang Trung) 왕 재임 기간 당시 사절단이 칸롱(Cần Long; 중국명 첸룽, 乾隆; 한국명 건륭) 왕의 장수 기념행사에 참여하기 위해 중국 청나라에 갔을 때 만들어졌다. 사절단은 중국에서 아름다운 풍광을 체험하고 나서 베트남으로 돌아와 중국의 경치를 칭송하기 위해 10개의 시를 지었다. 광중 왕은 이들 시를 음악으로 즐길 수 있도록 하기 위해 음악 관리를 임명했다. 이후 딘 까 띠이 트 연행자들이 이들 곡을 연주하고 이를 김 띠엔 반이라고 불렀다. 김 띠엔 반은 26절 2마디로 되어 있다. 이 음악은 외교 사절단이 왕을 알현해 왕으로부터 금화를 받을 때 연주했다. 🎵

## Contributors

Co-Production Directors / Chịu trách nhiệm xuất bản  
Nguyễn Bình Định, Kwon Huh

Editors / Biên tập  
Phạm Minh Hương, Nguyễn Thủy Tiên,  
Đặng Hoàng Loan

Introduction / Lời giới thiệu  
Nguyễn Thủy Tiên

Sound editors / Chính sửa âm thanh  
Trần Minh Đức, Trần Hải Đăng

English translation / Dịch tiếng Anh  
Hoàng Diệu Thương

Korean translation / Dịch tiếng Hàn Quốc  
Jeongeun Park

Layout / Trình bày  
Đinh Khánh Linh

The Vietnamese Institute for Musicology would like to express our sincere thanks to the International Information and Networking Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region under the auspices of UNESCO (IHCAP) for its assistance in creating this CD.

